TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10 /2019/QĐST-HNGĐ	Yên Mô, ngày 07 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2019 /TLST/HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Xóm C, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

* Bị đơn: Chị **Phạm Thị H2**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm C, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H2 đều xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 21/8/1998 và cháu Nguyễn Thị Nguyệt H3, sinh ngày 18/7/2001. Cháu N hiện đã trưởng thành còn cháu H3 đang học lớp 12. Anh H và chị H2 thống nhất: anh H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H3, chị H2 sẽ cấp dưỡng nuôi cháu H3 cùng anh H với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) một tháng kể từ tháng 02/2019 cho đến khi cháu H3 trưởng thành đủ 18

tuổi.

Chị H2 có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Huyền được chung sống với anh H. Chị H2 được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Anh H và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị H2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày anh H có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu chị H2 không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H2 đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có khoản nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Anh Nguyễn Văn H và chị Phạm Thị H2 thống nhất thỏa thuận để anh H nộp toàn bộ án phí ly hôn theo qui định. Số tiền phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị H2 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng nên chị H2 phải nộp áp phí cấp dưỡng nhưng cả anh H và chị H2 đều thống nhất để anh H nộp thay tiền án phí cấp dưỡng nuôi con cho chị H2. Số tiền phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

Tổng số tiền án phí anh H phải nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0001975 ngày 18/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện Yên Mô;
- THADS huyện Yên Mô;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Từ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đa ký)

Nguyễn Thị Hoa